

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tên CTQLQ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (TCC)  
Tên Quỹ niêm yết: Quỹ đầu tư Cổ phiếu Techcom (TCEF)  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 28, tòa C5, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
  
Điện thoại: +84 24 3944 6368  
Fax: +84 24 3944 6583  
Email: [IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn](mailto:IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn)  
Website: <https://www.techcomcapital.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ TCEF năm 2022
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 31/03/2023 tại đường dẫn: <http://www.techcomcapital.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Người được ủy quyền CBTT

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ  
năm 2022



**Phí Tuấn Thành**  
Tổng Giám Đốc

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TECHCOM  
NĂM TÀI CHÍNH 2022**

(Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

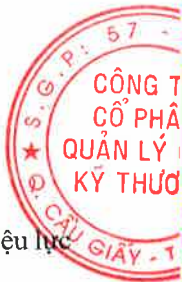
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:**

- a) Tên Quỹ, loại hình quỹ : Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Techcom (TCEF), Quỹ mở
- b) Mục tiêu đầu tư của quỹ : Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa các rủi ro cho Nhà Đầu tư.
- c) Thời hạn hoạt động của quỹ : Không thời hạn
- d) Danh mục tham chiếu : Không áp dụng
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận : Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.
- f) Số lượng chứng chỉ quỹ : 24.858.186,97 (thời điểm 31/12/2022)
- g) Nội dung thay đổi tại điều lệ quỹ trong kỳ:

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác.



*Handwritten signature*

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2021 lần thứ hai tổ chức ngày 30/05/2022 đã thông qua Điều lệ quỹ sửa đổi, bổ sung, thông tin chi tiết tham khảo tại điều 10 nội dung đại hội nhà đầu tư công bố thông tin trên website của công ty QLQ theo đường link bên dưới:

<https://www.techcomcapital.com.vn/tcef-cbtt-bien-ban-va-nghi-quyet-dai-hoi-nha-dau-tu-thuong-nien-nam-tai-chinh-2021-lan-thu-hai-ngay-30-05-2022/>

h) Nội dung nghị Quyết Đại hội Nhà Đầu tư:

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2021 lần thứ hai tổ chức ngày 30/05/2022 đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

**Điều 1:**

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Quỹ tại Đại hội Nhà Đầu tư.

**Điều 2:**

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 của Quỹ tại Đại hội Nhà Đầu tư.

**Điều 3:**

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Quỹ được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

**Điều 4:**

Thông qua Báo cáo ngân hàng giám sát của Quỹ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 nêu tại Đại hội Nhà Đầu tư và được đính kèm cùng báo cáo tài chính đã kiểm toán của Quỹ.

**Điều 5:**

Thông qua phương án KHÔNG phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2021 của Quỹ tại Đại hội Nhà Đầu tư.

**Điều 6:**

Thông qua Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2022 tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

**Điều 7:**

Chấp thuận đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Xuân Minh đối với chức danh Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCEF) kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2022.

Thông qua việc đề cử Bà Nguyễn Thị Hoạt đối với chức danh Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCEF) kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2022.

**Điều 8:**

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2022 của Quỹ

**Điều 9:**

Thông qua việc ủy quyền cho Ban điện Quỹ về việc quyết định mức giá dịch vụ quản lý Quỹ trong mức tối đa tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

**Điều 10:**

Thông qua việc bổ sung Khoản 1 Điều 10.2 tại Điều lệ hoạt động và tổ chức Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom như nội dung nêu tại tài liệu họp. Chi tiết tại link sau: "<https://www.techcomcapital.com.vn/tcef-cbtt-bien-ban-va-nghi-quyet-dai-hoi-nha-dau-tu-thuong-nien-nam-tai-chinh-2021-lan-thu-hai-ngay-30-05-2022/>"

Thông qua việc bổ sung Khoản 1 Điều 10.2 tại Điều lệ hoạt động và tổ chức Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom như nội dung nêu tại tài liệu họp. Chi tiết tại link sau: "<https://www.techcomcapital.com.vn/tcef-cbtt-bien-ban-va-nghi-quyet-dai-hoi-nha-dau-tu-thuong-nien-nam-tai-chinh-2021-lan-thu-hai-ngay-30-05-2022/>"

**Điều 11:**

Thông qua việc bổ sung các nội dung Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ như dưới đây vào chương trình họp tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2021 lần thứ hai của Quỹ.

Thông qua việc cập nhật lại một số nội dung tại mục Cơ sở pháp lý của Điều lệ Quỹ như nội dung nêu tại Tài liệu họp Đại hội

Thông qua việc sửa đổi Khoản 4 Điều 58 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:

Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn theo kỳ định giá và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận với Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được thống nhất với Đại lý chuyển nhượng phù hợp với quy định của pháp luật và có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận với Đại lý chuyển nhượng

**2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
	<i>%</i>	<i>%</i>	<i>%</i>
Danh mục chứng khoán	49,50%	93,36%	86,70%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	50,50%	5,65%	8,01%
Tài sản khác	0,00%	1,00%	5,29%
	100,00%	100,00%	100,00%

Thông tin về giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	375.905.982.413	549.603.026.323	76.016.197.324
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	24.858.186,97	27.526.628,32	5.011.113,91
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	15.122,01	19.966,23	15.169,52
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	20.264,67	20.308,80	15.169,52

Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	14.607,26	14.394,83	9.734,55
<b>Thu nhập của Quỹ</b>			
Cổ tức được chia	4.238.367.150	2.944.140.300	2.086.944.051
Tiền lãi nhận được	3.304.273.122	-	390.781.172
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	(87.316.524.142)	17.653.125.580	4.314.440.065
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	(54.344.714.551)	43.693.405.520	3.866.228.492
<b>Doanh thu khác</b>			
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,13%	2,10%	3,55%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	238,20%	111,53%	145,62%

b) Chỉ tiêu lợi nhuận của Quỹ:

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	5 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-254,36%	-726,35%	1135,16%
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	-58,31%	77,44%	32,16%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	-24,26%	13,15%	51,22%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	-24,26%	4,21%	-0,40%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	-64,17%	218,27%	226,05%

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, là thống nhất đã được phê duyệt bởi Ban đại diện Quỹ;

d) Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): Quỹ hoàn thành mục tiêu mang lại lợi nhuận dài hạn đều đặn cho các Nhà Đầu tư.

Theo báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là -24,26% so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2021.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: Quỹ không thay đổi chiến lược trong kỳ báo cáo. Chiến lược Quỹ sử dụng trong kỳ báo cáo là chiến lược đã được công bố thông tin tại Bản cáo bạch.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Thông tin về cơ cấu danh mục tham khảo tại mục a) phần 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ nêu trên. So với danh mục tại thời điểm 31/12/2021, tại thời điểm 31/12/2022 Quỹ tăng đáng kể tỷ trọng tiền và tài sản tương đương tiền (5,65%-50,50%)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	50,50%	5,65%	8,01%

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường:

#### ***Kinh tế vĩ mô***

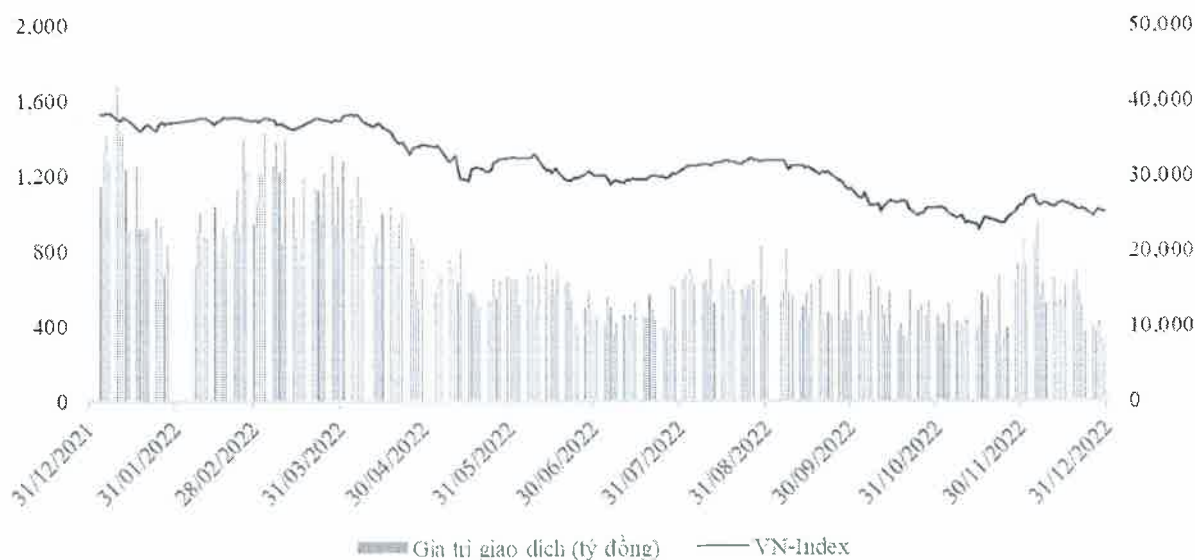
Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 tăng 8,0% so với cùng kỳ 2021 – đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022. Trong cơ cấu GDP, khu vực dịch vụ tăng 10,0%, tiếp đến là công nghiệp và xây dựng (7,8%) và cuối cùng là nông, lâm nghiệp, thủy sản (3,4%).

Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa đạt lần lượt 371,9 tỷ USD (tăng 10,6% so với năm 2021) và 360,7 tỷ USD (tăng 8,4% so với năm 2021). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 11,2 tỷ USD. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 30,7 tỷ USD và nước ngoài xuất siêu 41,9 tỷ USD. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với 29,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, tiếp đến là Trung Quốc (15,7%) và EU (12,7%); Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với 33,1% tổng kim ngạch nhập khẩu, tiếp đến là Hàn Quốc (17,3%) và các nước ASEAN (13,1%).

CPI bình quân cả năm 2022 tăng 3,2% so với năm 2021. Trong đó, các mặt hàng tăng giá nhiều nhất là xăng dầu trong nước, gas, nhà ở và vật liệu xây dựng, các mặt hàng thực phẩm, giá gạo,... Ngược lại, một số mặt hàng như thịt lợn, nhà ở thuê, bưu chính viễn thông giảm giá, góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI trong năm 2022.

Dưới áp lực lạm phát toàn cầu tăng cao, để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và lãi suất trên thị trường, NHNN đã tăng lãi suất điều hành. Tính đến thời điểm 21/12/2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,9% so với cuối năm 2021, thấp hơn mức tăng 8,3% cùng kỳ; tăng trưởng huy động vốn của các tổ chức tín dụng đạt 6,0%, thấp hơn mức tăng 7,7% cùng kỳ; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế 12,9%, cao hơn so với mức 12,5% cùng kỳ 2021 (GSO).

**Biến động VN-Index năm 2022**



**Thị trường chứng khoán**

Những tin tức vĩ mô tiêu cực, có thể kể đến như chiến tranh Nga – Ukraine, lạm phát leo thang trên toàn cầu,... đã tác động đáng kể đến thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong bối cảnh đó, VN-Index đã có những nhịp điều chỉnh mạnh trong năm 2022. Kết thúc 2022, VN-Index đóng cửa ở mức 1.007 điểm, giảm 32,8% so với thời điểm cuối năm 2021. Thanh khoản thị trường trung bình 2022 ở mức 17.300 tỷ đồng/phiên. Các nhóm ngành giảm giá nhiều nhất bao gồm bán lẻ, tài nguyên cơ bản, dịch vụ tài chính, bất động sản, xây dựng và vật liệu, hóa chất, dầu khí,...

*Handwritten signature*

### **Triển vọng thị trường**

Năm 2023, nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh rủi ro suy thoái có thể xảy ra, các Ngân hàng Trung ương lớn trên Thế giới vẫn tiếp tục duy trì mật bằng lãi suất cao để kiểm soát lạm phát, nợ công có xu hướng tăng đặc biệt ở một số quốc gia Châu Âu, xung đột giữa Nga – Ukraine kéo dài. Tại nhiều thị trường lớn, nhu cầu tiêu dùng suy yếu sẽ ảnh hưởng đến sản lượng xuất khẩu hàng hóa của các quốc gia. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ chịu những tác động nhất định trong ngắn – trung hạn. Việc này đòi hỏi các chính sách linh hoạt, kịp thời của Chính phủ để duy trì các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát.

Trong dài hạn, tiềm năng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá khả quan nhờ nền tảng vĩ mô ổn định, chính sách linh hoạt của Chính phủ giúp kiểm soát lạm phát, thúc đẩy phát triển kinh tế,... Đây cũng là yếu tố chính hỗ trợ xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường chứng khoán.

- Theo báo cáo mới nhất của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt 6,3% vào năm 2023 trước nhiều cơ hội phát triển, bao gồm thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài (FDI), đặc biệt so với các nước trong khu vực ASEAN. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức về rủi ro suy thoái đến từ nhiều nền kinh tế lớn, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng lạc quan.
- Năm 2023, Quốc hội đã thông qua kế hoạch đầu tư công với tổng vốn trên 700 nghìn tỷ đồng (tăng 140 nghìn tỷ ~ 25% so với kế hoạch năm 2022 và thực hiện giải ngân toàn bộ vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đây được coi là động lực thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội, ổn định vĩ mô, phát triển kết cấu hạ tầng.
- Dòng vốn FDI tiếp tục chảy vào Việt Nam trong giai đoạn đón làn sóng dịch chuyển đầu tư và tái cơ cấu chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia
- Trung Quốc mở cửa góp phần nối lại chuỗi cung ứng trên toàn cầu
- Rào cản về di chuyển trong nước và các hạn chế đi lại do Covid-19 đối với du khách nước ngoài được dỡ bỏ sẽ là yếu tố thúc đẩy ngành du lịch phục hồi mạnh mẽ.

- Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Thu nhập của Quỹ			
Tiền lãi được nhận	3.304.273.122	-	390.781.172
Cổ tức	4.238.367.150	2.944.140.300	2.086.944.051
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.960.684.933	-	148.827.329
Lãi trái phiếu	1.343.588.189	-	241.953.843
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	(87.316.524.142)	17.653.125.580	4.314.440.065
Cổ phiếu	(87.316.524.142)	17.653.125.580	4.314.440.065
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	(54.344.714.551)	43.693.405.520	3.866.228.492



i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có): Không có.

#### 4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Theo báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom (TCEF) (“Quỹ”) là ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

➤ Theo Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Trong giai đoạn từ kỳ định giá ngày 29 tháng 03 năm 2022 đến tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

## 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2022	Từ ngày 01/12 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2020
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	1.592.785.046	1.503.184.490	1.329.893.820
Tổng chi phí hoạt động (2)	8.170.956.796	5.956.023.989	2.240.437.109
% Tổng chi phí hoạt động = (1)/(2)	19,49%	25,24%	59,36%
Tổng Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện (3)	(145.020.511.314)	57.267.851.965	8.122.187.761
% Lợi nhuận = (1)/(3)	-1,10%	2,62%	16,37%
Tổng Thu nhập đã thực hiện và chưa thực hiện của Quỹ (4)	(141.661.238.693)	61.346.531.100	8.180.668.557
% Thu nhập của Quỹ = (1)/(4)	-1,12%	2,45%	16,26%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2022	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2020
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	1.592.785.046	1.503.184.490	1.329.893.820
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	255.557.308	203.351.118	138.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	154.770.000	146.015.000	46.920.000
Phí dịch vụ giám sát	217.800.000	217.800.000	217.800.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	790.350.000	790.350.000	790.350.000

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

Theo đánh giá của chúng tôi, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của Ngân hàng nhận ủy quyền cho Quỹ TCEF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

*Phụ* CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG *Phụ*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Phí Tuấn Thành**

